TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 111/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1997 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Trịnh Linh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Trịnh Linh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/9/2019. Chị và anh Trịnh Linh T có 01 người con chung tên: Trịnh Thiên K, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống với chị; về tài sản

chung, chị và anh Trịnh Linh T không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Trịnh Linh T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh Trịnh Linh T thường xuyên ăn chơi và hay bỏ nhà đi chơi với bạn bè, không quan tâm với vợ con, vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 7/2021 chị và anh Trịnh Linh T sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Trịnh Linh T không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Linh T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 05/9/2017 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được chị không yêu cầu anh Trịnh Linh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị và anh Trịnh Linh T không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết; về nợ, chị và anh Trịnh Linh T không có nợ người khác, người khác không nợ chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 5 năm 2023, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Trịnh Linh T, cư trú tại ấp HB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay anh Trịnh Linh T đi làm, thường xuyên vắng mặt ở nhà, vì vậy không tống đạt trực tiếp cho anh Trịnh Linh T được. Anh Trịnh Linh T và chị Lê Thị C chung sống với nhau bất đồng quan điểm, anh chị sống ly thân cách nay 06 tháng, từ khi anh chị ly thân đến nay người con chung của anh chị do chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

** Bị đơn anh Trịnh Linh T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trịnh Linh T biết để anh có ý kiến về việc chị Lê Thị C yêu cầu ly hôn và nuôi con đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị C nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân Lê Thị C và sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn tên Lê Thị C và Trịnh Linh T (Bản chính); Giấy khai sinh tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 05/9/2017 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 10 tháng 8 năm 2022 (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lê Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Linh T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 05/9/2017 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Trịnh Linh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Trịnh Linh T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người

khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trịnh Linh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trịnh Linh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Linh T và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Trịnh Linh T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Lê Thị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Thị C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị C tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị C yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trịnh Linh T và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp HB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trịnh Linh T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lê Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trịnh Linh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Lê Thị C và anh Trịnh Linh T nhưng anh Trịnh Linh T vẫn cố tình vắng mặt đến lần

thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà hôm nay chị Lê Thị C không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trịnh Linh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị C và anh Trịnh Linh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 94 ngày 25/9/2019, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Linh T, thời gian chị và anh Trịnh Linh T chung sống, anh Trịnh Linh T thường xuyên ăn chơi và hay bỏ nhà đi chơi với bạn bè, không quan tâm vợ con, anh chị thường xảy ra cự cãi, bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 7/2021 chị và anh Trịnh Linh T sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Trịnh Linh T không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Linh T, nhưng anh Trịnh Linh T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Lê Thị C yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị C cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Linh T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C, cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Trịnh Linh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lê Thị C và anh Trịnh Linh T có 01 người con chung tên: Trịnh Thiên K, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống với chị Lê Thị C. Khi ly hôn, chị Lê Thị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng; anh Trịnh Linh T không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Lê Thị C, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Lê Thị C, giao người con chung của anh chị cho chị Lê Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Thị C không yêu cầu anh Trịnh Linh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị C tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Lê Thị C cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Trịnh Linh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2017 cho chị Lê Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được và hiện nay đang chung sống với chị Lê Thị C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị C không yêu cầu anh Trịnh Linh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị C tự xác định, chị và anh Trịnh Linh T không có tài sản chung, chị Lê Thị C cam kết anh chị không có nợ người khác,

người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008724 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 14/8/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N, AB, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo